Learning chemistry Tảo xanh

ÔN TẬP

BÀI 7: BẢNG TUẦN HOÀN CÁC NGUYÊN TỐ HÓA HỌC

I. Điền vào chỗ trống

1) Xác định vị trí (ô, chu kì, nhóm) của các nguyên tố

Cấu hình electron	Ô nguyên tố	Chu kì	Nhóm	Kim loại/ Phi kim
$1s^2 2s^2 2p^3$	7	2	VA	Phi kim
Gợi ý	tổng số electron	= số lớp electron	**= số electron hóa trị** * electron hóa trị là electron lớp ngoài cùng hoặc phân lớp sát ngoài cùng nếu phân lớp đó chưa bão hòa	**Xét số electron ở lớp ngoài cùng** **Kim loại:** thường có 1e, 2e, 3e ở LNC **Phi kim:** thường có 5e, 6e, 7e ở LNC khí hiếm: có 8e ở LNC
$1s^2 2s^2 2p^6 3s^2 3p^1$				
$1s^2 2s^2 2p^6 3s^2 3p^6 3d^{10} 4s^1$				
$1s^2 2s^1$				
$1s^2 2s^2 2p^6 3s^2 3p^6$				
$1s^2 2s^2 2p^6 3s^2 3p^6 3d^5 4s^2$				
$1s^2 2s^2 2p^6 3s^2 3p^5$				

2) Viết cấu hình electron

Cấu hình electron: 1s /2s 2p /3s 3p 3d /4s

$^{28}_{14}Si$

- Ô:
- Chu kì:
- Nhóm:

Cấu hình electron: 1s /2s 2p /3s 3p 3d /4s

$^{31}_{15}P$

- Ô:
- Chu kì:
- Nhóm:

Cấu hình electron: 1s /2s 2p /3s 3p 3d /4s

$^{48}_{22}Ti$

- Ô:
- Chu kì:
- Nhóm:

LIVEWORKSHEETS

Câu 1. Tất cả các nguyên tố thuộc chu kỳ 3 đều có

A. 3 lớp electron

B. 3 phân lớp electron

C. Cùng số electron hóa trị

D. Cùng số khối

Câu 2. Nhóm IIB bao gồm các nguyên tố mà nguyên tử của chúng có cùng

A. Số lớp electron.

B. Số phân lớp electron.

C. Số electron hóa trị.

D. Số electron vỏ nguyên tử

Câu 3. Nguyên tố X thuộc chu kỳ 4 thì

A. X có 4 phân lớp electron

B. X có số electron hóa trị bằng 4

C. X có 4 lớp electron

D. X có số electron lớp ngoài cùng bằng 4

Câu 4. Cấu hình electron nào sau đây là của kim loại:

(1). $1s^2 2s^2 2p^6 3s^2 3p^6 3d^2 4s^2$.

(2). $1s^2 2s^2 2p^6 3s^2 3p^4$.

(3). $1s^2 2s^2 2p^6 3s^2 3p^6 3d^{10} 4s^2 4p^3$.

(4). $1s^2 2s^2 2p^6 3s^2 3p^6 3d^5 4s^1$.

(5). $1s^2 2s^2 2p^6 3s^2 3p^6 4s^2$.

(6). $1s^2 2s^2 2p^6 3s^2 3p^3$.

A. (1), (2), (4). **B.** (1), (4), (5). **C.** (2), (3), (4). **D.** (2), (3), (6).

Câu 5. Cấu hình electron nào sau đây là của phi kim:

(1). $1s^2 2s^2 2p^6 3s^2 3p^6 3d^2 4s^2$.

(2). $1s^2 2s^2 2p^6 3s^2 3p^4$.

(3). $1s^2 2s^2 2p^6 3s^2 3p^6 3d^{10} 4s^2 4p^3$.

(4). $1s^2 2s^2 2p^6 3s^2 3p^6 3d^5 4s^1$.

(5). $1s^2 2s^2 2p^6 3s^2 3p^6 4s^2$.

(6). $1s^2 2s^2 2p^6 3s^2 3p^3$.

A. (1), (2), (4). **B.** (1), (4), (5). **C.** (2), (3), (4). **D.** (2), (3), (6).

Câu 6. Nguyên tố ở ô số 19 trong bảng tuần hoàn có

A. 19 proton. **B.** 19 electron. **C.** 19 nơtron. **D.** A, B đúng

Câu 7. Tìm câu **sai** trong các câu trả lời sau đây:

A. Chu kỳ là dãy các nguyên tố mà nguyên tử của chúng có cùng số lớp electron, được sắp xếp theo chiều nguyên tử khối tăng dần.

B. Bảng tuần hoàn gồm có các ô nguyên tố, các chu kỳ và các nhóm.

C. Bảng tuần hoàn có 7 chu kỳ. Số thứ tự của chu kỳ bằng số lớp electron trong nguyên tử.

D. Bảng tuần hoàn có 8 nhóm A và 8 nhóm B.

Câu 8. Tìm câu **sai** trong các câu trả lời sau đây:

A. Bảng tuần hoàn gồm có các ô nguyên tố, các chu kỳ và các nhóm nguyên tố.

B. Chu kỳ là dãy các nguyên tố mà nguyên tử của chúng có cùng số lớp electron, được sắp xếp theo chiều điện tích hạt nhân giảm dần

C. Bảng tuần hoàn có 7 chu kỳ. Số thứ tự của chu kỳ bằng số lớp electron trong nguyên tử

D. Bảng tuần hoàn có 8 nhóm A và 8 nhóm B.

LIVEWORKSHEETS